

Đặc điểm về gia đình, tổ chức xã hội, đời sống tinh thần, tâm linh của người Khmer vùng Tây Nam Bộ

● **ThS LÊ THỊ HÀNG**
Học viện Chính trị khu vực IV

Dân tộc Khmer là một trong những dân tộc thiểu số có số dân đông của Việt Nam với trên 1.300.000 người, chủ yếu sinh sống ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là vùng Tây Nam Bộ. Người Khmer vùng Tây Nam Bộ luôn lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc riêng có của mình, góp phần hình thành và phát triển vùng Tây Nam Bộ với một nền văn hóa đặc sắc và phong phú. Với bài viết này, tác giả đã phân nào cho chúng ta hiểu rõ hơn văn hóa của người Khmer vùng Tây Nam Bộ trên các khía cạnh: đặc điểm và cơ cấu tổ chức gia đình; tổ chức xã hội; đời sống văn hóa tinh thần và đời sống tâm linh.

1. Về đặc điểm và cơ cấu tổ chức gia đình

Gia đình của người Khmer gồm hai loại hình chủ yếu là gia đình hạt nhân (gồm cha mẹ và con cái) và gia đình mở rộng (gồm nhiều thế hệ cùng sinh sống). Mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế độc lập có ruộng đất và những tư liệu lao động khác riêng biệt. Trong gia đình, người đàn ông (người chồng) là chủ gia đình, đóng vai trò chủ yếu trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và các hoạt động giao tiếp cũng như trong các hoạt động xã hội của cộng đồng. Những công việc còn lại trong gia đình như nội trợ, chăm sóc và nuôi dạy con cái, chi tiêu gia đình... thì người vợ và người chồng có mối quan hệ tương đối bình đẳng. Đối với những công việc trọng đại của gia đình như cưới hỏi cho con cái, mua, bán hay trao đổi những tài sản có giá trị lớn của gia đình như đất đai, nhà cửa thì đều có sự bàn bạc và thống nhất giữa người vợ và người chồng.

Có thể nói, quan hệ vợ - chồng trong gia đình của người Khmer tương đối bình đẳng hơn so với một số dân tộc khác ở Việt Nam. Quan hệ trong gia đình thường hòa thuận và ít có xung đột.

Sự bình đẳng giữa vợ và chồng còn thể hiện ở chế độ sở hữu tài sản. Đối với tài sản chung của gia đình tức là tài sản được tạo nên trong thời gian chung sống, cả vợ

và chồng đều có quyền sở hữu chung và khi ly hôn thì tài sản chung được chia đều. Đối với tài sản riêng, tức tài sản hai bên có trước khi kết hôn thì khi ly hôn, tài sản của ai người ấy giữ.

Ngoài những đặc điểm trên có thể thấy, mặc dù ngày nay gia đình của người Khmer theo chế độ phụ hệ nhưng trong chế độ hôn nhân và gia đình của họ vẫn còn có những dấu ấn của chế độ mẫu hệ.

2. Về tổ chức xã hội

Đối với người Khmer thì phum và sóc vừa là đơn vị cư trú đồng thời cũng là hai thiết chế xã hội truyền thống. Phum là thiết chế xã hội nhỏ nhất. Sóc (Srók) - đơn vị xã hội hoàn chỉnh nhất của người Khmer được tạo thành bởi sự tập hợp của các phum.

Phum trong tiếng Khmer nghĩa là “đất” hay “thổ cư” hay vườn tổng hợp của gia đình trên đất ở⁽²⁾. Mỗi phum có tên gọi riêng, thường là đặt theo tên người đàn ông sáng lập ra phum và cũng có những phum được đặt theo tên người đàn bà chủ phum. Tên gọi của phum được thay đổi khi người chủ phum đó mất đi và thay tên mới bằng tên của người chủ phum mới. Ví dụ như phum Tà Hoat, phum Tà Thu, phum Tà Doanh Âm... Ngoài ra, còn có những phum mà tên gọi liên quan tới vị trí địa lý hoặc liên quan tới một sự tích nào đó. Ví dụ như phum Đôn

Nay (phum thiếu người chết), phum Chong Pri (phum Ngọn rừng),...

Phum là đơn vị cư trú của một hay một nhóm gia đình có quan hệ thân tộc hoặc quan hệ hôn nhân. Vì thế, quan hệ xã hội trong phum chủ yếu bao gồm hai loại quan hệ đó là quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân. Theo số liệu khảo sát của tác giả Nguyễn Mạnh Cường, trong quan hệ cư trú giữa các hộ Khmer, quan hệ huyết thống chiếm khoảng 38,94%; quan hệ hôn nhân chiếm khoảng 36,57%; quan hệ láng giềng chiếm khoảng 15,86%; quan hệ kinh tế chiếm khoảng 6,40%; di trú tự do và các quan hệ khác chiếm khoảng 2,23%⁽³⁾.

Mỗi phum thường bao gồm từ 5-7 gia đình với số lượng thành viên khoảng vài ba chục người gồm 3 hoặc 4 thế hệ cùng sinh sống. Do đặc điểm cư trú sau hôn nhân của người Khmer bao gồm cả cư trú bên vợ và cư trú bên chồng nên cấu trúc của phum thường được tạo nên bởi bà con thân tộc về cả hai phía vợ và chồng. Viết về cấu trúc của phum, Văn Xuân Chí cho rằng: “cư trú trong phum là gồm các thành viên trong một gia đình mở rộng bao gồm quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân”⁽⁴⁾. Tương tự như vậy, Phan An cũng cho rằng “phum là một tập hợp cư trú gồm các gia đình có quan hệ huyết thống với nhau, thường là gia đình của cha mẹ, và các gia đình của con gái, con rể”⁽⁵⁾. Trong phum ngoài các gia đình có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân ra, cũng có thể có những gia đình di cư từ nơi khác tới. Như vậy, phum của người Khmer Tây Nam Bộ vừa là đơn vị cư trú vừa là đơn vị xã hội. Trong đó quan hệ chủ yếu trong phum là quan hệ giữa những người thân tộc hoặc những người có quan hệ hôn nhân.

Việc quản lý các phum là do các chủ phum đảm nhận. Chủ phum thường được gọi là “mê phum” (mê trong tiếng Khmer nghĩa là mẹ) nhưng trên thực tế mê phum thường là đàn ông và cũng có khi là người đàn bà lớn tuổi, có uy tín trong phum. Vị trí mê phum thường là được kế thừa từ những mê phum trước trong đó có xét đến yếu tố khả năng và đạo đức. Mê phum thường là người lớn tuổi nhưng không phải là người lớn tuổi nhất. Và nhiệm vụ của mê phum là quản lý công việc nội bộ của phum và thay mặt phum thực hiện các quan hệ với bên ngoài (với các phum khác, với nhà chùa, và thậm chí cả với chính quyền địa phương). Ngoài ra, mê phum cũng là người giải quyết mọi công việc nội bộ trong phum khi có xung đột giữa các thành viên trong phum. Bên cạnh đó, mê phum thường là người đứng ra tổ chức, lo liệu những công việc lớn, trọng đại của các thành viên

trong phum như tổ chức các nghi thức tôn giáo, làm nhà, cưới xin, ma chay,... Như vậy, phum của người Khmer Tây Nam Bộ là đơn vị xã hội mang tính tự quản nhỏ nhất của người Khmer.

Lớn hơn phum là sóc - một đơn vị cư trú và cũng là một đơn vị xã hội. Nếu như phum là đơn vị xã hội nhỏ nhất của người Khmer thì sóc được coi là đơn vị xã hội hoàn chỉnh nhất của dân tộc này. Theo tiến sĩ Huỳnh Thanh Quang thì sóc của người Khmer cũng giống như làng của người Kinh. Sóc thường trải dọc theo các giồng đất, mỗi giồng đất có thể có một hoặc vài ba sóc cư trú. Và mỗi sóc gồm nhiều phum với hơn trăm nóc nhà và đều xen kẽ với các gia đình người Kinh hoặc người Hoa⁽⁶⁾. Thông thường mỗi sóc có một ngôi chùa, tuy nhiên cá biệt có những sóc lớn có thể có hai ngôi chùa và ngược lại, có thể vài ba sóc nhỏ sinh hoạt tôn giáo chung trong một ngôi chùa.

Cũng như phum, sóc là đơn vị xã hội tự quản truyền thống của người Khmer Tây Nam Bộ. Mỗi sóc có ban quản trị sóc (Kâma) phụ trách việc quản lý sóc và người đứng đầu ban quản trị được gọi là “Mê Sóc”. Các thành viên trong ban quản trị do nhân dân trong sóc (con sóc) bầu nên và thường được chọn lựa từ những người lớn tuổi, có uy tín, hiểu biết phong tục, tập quán, có tinh thần trách nhiệm. Công việc chủ yếu của mê sóc và ban quản trị là thay mặt sóc giải quyết và điều hành những công việc nội bộ của sóc cũng như thực hiện những quan hệ với bên ngoài (chẳng hạn như quan hệ với các sóc lân cận). Thêm vào đó, mê sóc và ban quản trị sóc còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa là duy trì mối quan hệ giữa nhà chùa và dân trong sóc.

Có thể nói, cơ chế quản lý xã hội truyền thống của người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện theo các phong tục, tập quán của người Khmer. Do đó, mê phum hay mê sóc không có bất kỳ đặc quyền hay đặc lợi nào mà họ chỉ là những đại diện của phum, sóc và được cộng đồng ủy nhiệm để điều hành những công việc chung hoặc đứng ra thay mặt dân của phum, sóc thực hiện các công việc ngoại giao với bên ngoài.

Ngày nay do sự giao thoa văn hóa cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu quản lý hành chính nhà nước đã và đang dần thay thế hệ thống tự quản truyền thống của người Khmer. Vì thế, các mê sóc hay ban quản trị sóc đang dần mất đi vai trò của mình.

Ngoài ra, trong tổ chức xã hội của người Khmer vùng Tây Nam Bộ có một đặc điểm khá đặc trưng, đó là sự tham gia của nhà chùa trong việc quản lý xã hội của sóc.

Bên cạnh sự quản lý của bộ máy tự quản ở phum, sóc người dân Khmer còn chịu sự quản lý của nhà chùa không chỉ là trên lĩnh vực tôn giáo mà còn cả trong đời sống văn hóa - xã hội. Đứng đầu mỗi ngôi chùa là vị Sãi cả (lục Gru). Sãi cả là người trụ trì ngôi chùa, là người hiểu biết và có uy tín, được người dân Khmer hết sức kính trọng và họ có vị thế hết sức đặc biệt có khi hơn cả mê sóc. Sãi cả được coi là người đại diện cho Đức Phật, nên những lời giáo huấn của ông được các con sóc hết sức tôn trọng và thực thi một cách nghiêm túc. Do vậy, những tranh chấp hay bất hòa xảy ra trong hoặc giữa các gia đình trong sóc thường được Sãi cả và các vị sư sãi khác giải quyết ổn thỏa.

4. Về đời sống văn hóa tinh thần

Người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long có một đời sống văn hóa tinh thần khá phong phú bao gồm ngôn ngữ và chữ viết, văn học, nghệ thuật ca múa nhạc, lễ hội và tôn giáo. Do đặc thù trong sinh hoạt tôn giáo của người Khmer, nên trong bài viết này lễ hội và tôn giáo được trình bày riêng trong mục đời sống tâm linh.

Về ngôn ngữ, tiếng Khmer thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer trong ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Ngày nay, tiếng Khmer thường được sử dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, trong sinh hoạt tôn giáo, trong giao tiếp giữa người Khmer với nhau. Tuy nhiên, do yếu tố cộng cư với các dân tộc Kinh và dân tộc Hoa nên người Khmer có thể dùng tiếng Việt trong giao tiếp với người của hai dân tộc này. Tiếng Khmer ở vùng Tây Nam Bộ bao gồm 3 phương ngữ chính là phương ngữ Trà Vinh, phương ngữ Sóc Trăng, và phương ngữ Rạch Giá. Ba phương ngữ này chủ yếu khác nhau trên phương diện phát âm và ở chừng mực nào đó là ở việc sử dụng từ ngữ nhưng về cơ bản là không quá khác biệt.

Về chữ viết, chữ viết của người Khmer có nguồn gốc từ chữ Pramel - một loại chữ cổ ở miền Nam Ấn Độ⁽⁷⁾. Nhưng do dạng chữ truyền thống này khó viết và khó nhớ nên nó không được phổ cập trong cộng đồng người Khmer Tây Nam Bộ mà thường chỉ có tầng lớp trí thức gồm sư sãi, những người hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục... chiếm khoảng 20% dân số là có thể sử dụng thành thạo loại chữ này⁽⁸⁾.

Về văn học, văn học dân gian của người Khmer rất phong phú bao gồm tục ngữ, dân ca, truyện dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười). Còn những tác phẩm văn học viết của người Khmer thường được ghi chép bằng các tập lá buông, thường gọi là Sa-Tra truyện (Sa-Tra Rương), gồm những

truyện dài về diệt chằn tinh, cứu người⁽⁹⁾.

Về nghệ thuật, bên cạnh các làn điệu dân ca, dân ca nghi lễ, hát ru con (chum riêng bom pè kôn), hát đối đáp trong lao động còn có nghệ thuật múa và nghệ thuật sân khấu. Dân tộc Khmer khá nổi tiếng về các điệu múa nhất là múa dân gian, nó phổ biến trong mọi tầng lớp nhân dân và mỗi khi có dịp gặp gỡ, vui chơi tập thể là người dân Khmer lại cùng nhau múa những điệu múa truyền thống của họ. Múa dân gian bao gồm nhiều loại: múa sinh hoạt có Râm vòng, Lâm lev, Sarvan. Ngoài ra người Khmer Kiên Giang còn có điệu múa Xarikakeo, múa trống chhayam,... nhưng những điệu múa này không phổ biến rộng rãi như ba điệu múa Lâm vòng, Lâm lev và Sarvan.

Nghệ thuật sân khấu là một nét độc đáo và đặc sắc trong nghệ thuật biểu diễn của người Khmer, có lịch sử phát triển lâu đời với nhiều trình độ khác nhau từ đơn giản (dân gian) đến phức tạp (cung đình). Các loại hình sân khấu của người Khmer bao gồm: 1) Sân khấu Rôbam (còn được gọi là hát Réamkèr) với vở kịch nổi tiếng nhất là Réamkèr được rút ra từ áng hùng ca Yamayana của Ấn Độ. Đây là loại hình nghệ thuật lấy múa làm phương tiện truyền tải nội dung nên nó còn được gọi là nghệ thuật múa sân khấu hay kịch múa. 2) Sân khấu Dù - Kê (Yukê) là loại hình sân khấu kịch hát của người Khmer vùng Tây Nam Bộ, ra đời vào những năm 1920 - 1930 mang dấu ấn đậm nét của sự giao thoa văn hóa với nghệ thuật của người Hoa và người Việt⁽¹⁰⁾. 3) Sân khấu Lakhôn là loại hình sân khấu tương tự kịch nói của người Việt.

4. Về đời sống tâm linh

Đối với người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long thì có hai yếu tố chi phối mạnh mẽ đời sống tâm linh của họ đó là tín ngưỡng - tôn giáo và các nghi lễ, lễ hội. Sở dĩ lễ hội được đưa vào mục đời sống tâm linh mà không đưa vào đời sống văn hóa tinh thần là vì các lễ hội của người Khmer gắn với các nghi thức, nghi lễ tôn giáo và nó thường diễn ra ở các ngôi chùa Khmer.

Tín ngưỡng dân gian của người Khmer có từ thời xa xưa, theo Hoàng Túc và Đặng Vũ Thị Thảo, những hình thái tín ngưỡng dân gian ngày nay không còn phổ biến trong xã hội người Khmer nữa mà nó chỉ tồn tại như những tàn dư⁽¹¹⁾. Các loại tín ngưỡng dân gian này bao gồm tín ngưỡng Neak tà, tín ngưỡng Arăk và các lễ nghi nông nghiệp (Tục cúng sân lúa (pi thi sel lean), cúng thần ruộng (Neak tà Xrê), cúng thần mục súc (Arăk viel).

Về tôn giáo, trước khi Phật giáo được du nhập vào, người Khmer có đạo Bà-la-môn. Tuy ngày nay đạo Bà-la-môn không còn tồn tại ở xã hội Khmer nhưng những

giá trị của nó còn thể hiện ở việc một số vị thần đã được đồng hóa trong tín ngưỡng Neak ta và Arak. Bên cạnh đó, một số hiện vật của đạo Bà-la-môn như linga và yoni vẫn còn được lưu giữ trong một số ngôi chùa Khmer. Hiện nay, phần lớn người dân Khmer Tây Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông (Phật giáo tiểu thừa hay Phật giáo Theravada) và ngôi chùa là trung tâm sinh hoạt văn hóa tâm linh của cộng đồng đồng thời cũng là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi lưu trữ văn hóa truyền thống Khmer. Trong quan niệm của người Khmer thì đi tu không phải để trở thành phật mà đi tu là để làm người có nhân cách, có đạo đức. Việc này không chỉ nói lên tầm quan trọng của việc tu hành đối với mỗi người mà nó còn có giá trị định hướng cuộc sống làm người đặc biệt là đối với nam giới.

Do Phật giáo có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của người Khmer nên hầu hết mỗi sóc đều có một ngôi chùa. Chùa Khmer thường được xây trên những khuôn đất cao, thoáng mát và thường nằm ở trung tâm của các phum, sóc để thuận tiện việc đi lại của các tín đồ, Phật tử. Do đặc điểm của việc tu hành của người Khmer thường gắn với việc học nên trong mỗi ngôi chùa ngoài chánh điện - nơi thờ Phật còn có những công trình khác để phục vụ việc tu học của sư sãi cũng như con em trong phum, sóc. Bên cạnh đó ngôi chùa còn là nơi sinh hoạt lễ hội của các tín đồ đồng thời là nơi bàn bạc những công việc chung của phum, sóc. Đặc biệt, ngôi chùa Khmer còn được coi là từ đường chung của cộng đồng. Cuộc sống của mỗi người Khmer từ lúc sinh ra cho tới lúc chết đi đều gắn bó với ngôi chùa. Sau khi chết đi, phần xác thì được hỏa táng trong lò hỏa táng của nhà chùa, tro cốt thì được rước về thờ tại chùa và như vậy họ vĩnh viễn được ở bên Đức Phật⁽¹²⁾. Hàng năm, đến ngày lễ Đôn-ta (ngày 30 tháng 8 âm lịch), người dân Khmer dù ở gần hay xa đều trở về ngôi chùa để lễ phật và thắp hương tưởng nhớ ông bà tổ tiên.

Lễ hội cũng là một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Khmer vì lễ hội thường gắn với tín ngưỡng dân gian và các lễ nghi tôn giáo. Người Khmer đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 15 lễ hội thu hút sự tham gia của cả cộng đồng, trong số đó có tới 10 lễ hội có nguồn gốc từ Phật giáo và do các sư sãi tổ chức trong khuôn viên chùa⁽¹³⁾. Theo cách phân loại của Hoàng Túc và Đặng Vũ Thị Thảo thì lễ hội của người Khmer gồm 2 loại là lễ hội dân tộc và lễ hội tôn giáo. Lễ hội dân tộc là những ngày lễ bắt nguồn từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như cuộc sống lao động của dân

chúng, tuy nhiên, trong quá trình phát triển thì những lễ hội này thường bị pha trộn với những yếu tố tôn giáo⁽¹⁴⁾. Những lễ hội dân tộc lớn trong năm của người Khmer gồm: lễ Vào năm mới (Chôl chnam thmây) - thường tổ chức vào giữa tháng 4 dương lịch tức đầu tháng Chết của người Khmer, lễ cúng ông bà (Đôn-ta) - tổ chức vào 3 ngày từ 29/8 đến 01.9 âm lịch, lễ cúng trăng hay lễ cúng cốm dẹp (Ók om bok) - tổ chức ngày 15.10 âm lịch. Còn lễ hội tôn giáo của người Khmer ngày nay đều gắn với Phật giáo Nam tông bao gồm lễ định kỳ và không định kỳ.

Tóm lại, người Khmer Tây Nam Bộ có đời sống xã hội cũng như đời sống tâm linh khá phong phú. Ngày nay, đời sống hôn nhân - gia đình của người Khmer còn lưu giữ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, nó góp phần tạo nên không khí hòa thuận cũng như sự bình đẳng giữa người phụ nữ với nam giới trong gia đình. Tổ chức và cơ chế quản lý xã hội của người Khmer mang tính tự quản cao. Tuy nhiên, do yếu tố giao thoa văn hóa cũng như do sự phát triển kinh tế - xã hội và sự quản lý của nhà nước ở cơ sở mà những thiết chế xã hội tự quản này đang dần bị mất vai trò. Tuy nhiên, đối với đời sống văn hóa tinh thần và tâm linh, người Khmer vùng Tây Nam Bộ vẫn lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc Khmer riêng biệt□

(1) Dẫn theo Tuyên giáo Sóc Trăng, *Tìm hiểu về rồng trong đời sống văn hóa - xã hội của người Khmer Nam Bộ* (phần I). 2013.

(2) Phan An, Nguyễn Xuân Nghĩa, *Dân tộc Khor Me*. Trong "Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)". Nxb. Khoa học xã hội. H., 1984, tr. 71.

(3), (10) Nguyễn Mạnh Cường, *Vài nét về người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, 2002, tr. 79, 216, 217.

(4) Văn Xuân Chi, *Khái quát về người Khmer ở tỉnh Cửu Long*, trong "Người Khmer Cửu Long", Viện Văn hóa, Sở Văn hóa và thông tin xuất bản. 1987. tr. 47.

(5) Phan An, *Phum, sóc Khmer trong cơ chế quản lý xã hội vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. Trong "Những vấn đề xã hội học ở miền Nam", Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh. Nxb. KHXH. 1992. tr. 85.

(6), (7), (9) Huỳnh Thanh Quang, *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr. 21, 50, 54.

(8) Thái Văn Chải, *Tiếng Khmer: ngữ âm - từ vựng - ngữ pháp*, Nxb. KHXH. H., 1997. tr. 8-9.

(11), (14) Hoàng Túc và Đặng Vũ Thị Thảo, *Tín ngưỡng - tôn giáo và phong tục - lễ hội*. Trong "Người Khmer tỉnh Cửu Long" do Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chi, Hoàng Túc - Đặng Vũ Thị Thảo, và Phan Thị Yến Tuyết biên soạn. Sở Văn hóa-thông tin Cửu Long xuất bản năm 1987, tr. 64, 93.

(12), (13) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đối với đời sống văn hóa đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long*.